

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2018

V/v *Tranh chấp ly hôn, nuôi con*

Và *chia tài sản chung khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lệ;**

2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Diễm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liên Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Màu**, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 177/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13-3-2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 22-8-2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hoàng O, văn phòng luật sư Sáu Đ thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh P, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2/ Bà Lê Thị S, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

3/ Bà Tăng Thị L, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Văn C: Luật sư Lâm Khắc S, văn phòng luật sư Lâm Khắc S thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 7 năm 2015, chị M xác lập quan hệ hôn nhân với anh Huỳnh Thanh P, đến ngày 13/12/2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D. Trong thời gian sống chung anh chị có 01 con chung tên Huỳnh Trí T, sinh ngày 30/8/2016 đang sống chung với chị M.

- **Về tài sản chung:** Lúc chị và anh P dọn về sống chung với cha mẹ chồng ở ấp C, xã D, thì ông C lấy căn nhà gắn liền diện tích 135,7m² của chị cho anh T2 thuê mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời hạn thuê nhà là 01 năm, nhưng chị M tính đến nay là 10 tháng bằng 20.000.000 đồng, tiền thuê nhà anh T2 trả đủ cho ông C và ông C đang quản lý.

- **Về tài sản riêng:** Diện tích đất 135,7m², gắn liền căn nhà cấp 04 Tòa án thẩm định (đang cho anh T2 thuê) thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn Tiêu Cẩn do ông C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị lúc chuyển nhượng bằng 290.000.000 đồng, trong 290.000.000 đồng cha chị M là ông Đ có hùn 200.000.000 đồng, còn ông C hùn vô 90.000.000 đồng, tiền hùn mua căn nhà, đất là do ông Đ và bà S cho riêng chị M. Tháng 8/2015 bà S rút tiền từ tài khoản 200.000.000 đồng đưa cho ông Nguyễn Tấn Đ (chết năm 2017), sau đó ông Đ đưa cho ông C, ông C giao tiền đất cho bà D để làm hợp đồng chuyển nhượng, việc ông C đứng tên đất được ông Đ đồng ý vì ông C đứng hợp đồng chuyển nhượng đóng thuế thấp hơn ông Đ và ông C có hứa với ông Đ sau này làm thủ tục chuyển trả qua tên chị M (việc thỏa thuận giữa ông Đ và ông C không có làm giấy tờ). Sau khi mua căn nhà, đất trên ông C có sửa chữa lại gồm thay 02 cửa kéo trước và bên hông (loại cửa Đài Loan) bằng 20.000.000 đồng và lát gạch nền, đóng la phong trần nhà bằng 30.000.000 đồng, tổng cộng bằng 50.000.000 đồng rồi chị và anh P dọn ra ở riêng. Thời điểm mua nhà, đất là năm 2015, tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 chị M đồng ý cho anh P hưởng căn nhà gắn liền diện tích đất và yêu cầu anh P hoàn lại cho chị bằng 200.000.000 đồng. Đến ngày 28/5/2018 chị M khởi kiện bổ sung xin được hưởng căn nhà gắn liền diện tích 135,7m², thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T do ông C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị M đồng ý hoàn lại cho ông C bằng 90.000.000 đồng giá trị mà ông C đã hùn vô trước đây.

- Ngoài ra chị M còn mua các tài sản gồm:

+ 02 cái tủ nhôm trị giá lúc mua bằng 6.000.000 đồng; Giá do hội đồng định 02 cái tủ bằng 4.400.000 đồng, do ông C quản lý.

+ 02 cái tủ gỗ (loại kệ để đồ tạp hóa, gỗ dầu) trị giá lúc mua 5.000.000 đồng; Giá do hội đồng định 02 cái tủ bằng 5.000.000 đồng, do ông C quản lý.

+ 01 cái tivi 32 in hiệu Samsung trị giá lúc mua bằng 8.600.000 đồng, do ông C quản lý, lúc Tòa án thẩm định không còn tài sản chi tính bằng 8.600.000 đồng.

+ 01 cái tủ lạnh hiệu Sanyo trị giá lúc mua bằng 4.200.000 đồng, ông C quản lý, lúc Tòa án thẩm định không còn tài sản chi tính bằng 4.200.000 đồng.

+ 01 cái máy lạnh hiệu Samsung trị giá lúc mua bằng 6.400.000 đồng; Giá do hội đồng định còn lại 60% bằng 3.840.000 đồng, tài sản này còn ở căn nhà diện tích đất 135,7m², ông C đang cho anh T2 thuê, chị yêu cầu được hưởng.

+ 01 Màn cửa trị giá 1.800.000 đồng, nay chị xin rút lại.

Tất cả tài sản này là chị M bán vàng cưới bên chồng cho chị để chị mua, chị xác định đây là tài sản riêng của chị, chị thống nhất để cho ông C tiếp tục sử dụng và hoàn lại cho chị bằng 22.200.000 đồng, chị không đồng ý chia đôi với anh P.

- **Tài sản riêng:** Trước đây chị làm đơn có cho anh P mượn 2,5 chỉ vàng 24Kr và tiền mặt là 3.000.000 đồng. Nay chị xin rút lại không yêu cầu anh P trả.

- **Về nợ chung:** Không có.

- **Về nợ riêng:** Lúc chị và anh P còn sống chung anh P có mượn của mẹ ruột chị là bà Lê Thị S bằng 50.000.000 đồng, nợ này là nợ riêng của anh P thì anh P có trách nhiệm trả khi bà S yêu cầu, chị không có trách nhiệm trả cùng với anh P.

Nguyên nhân xin ly hôn: Sau ngày cưới anh chị sống chung bên chồng được 01 tháng rồi mua căn nhà và diện tích đất 135,7m² vợ chồng dọn ra sống riêng, trong thời gian sống chung anh P không phụ chị buôn bán (bán tạp hóa), thường xuyên đi chơi, vợ chồng thường cự cãi, anh P còn đánh chị nhiều lần, thời gian này anh chị chưa ly thân cha mẹ chồng kêu anh chị về ở chung trên ấp C, còn căn nhà cho anh T2 thuê ở đi làm, sống chung được vài tháng chị về bên cha mẹ ruột sống và ly thân với anh P từ tháng 12/2017 cho đến nay. Thời gian ly thân anh chị không hàn gắn đoàn tụ được.

Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh P.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Trí T, sinh ngày 30/8/2016, yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu ông Huỳnh Văn C hoàn trả lại bằng 20.000.000 đồng (tiền cho anh T2 thuê nhà là 10 tháng), chị đồng ý chia đôi với anh P mỗi người hưởng 10.000.000 đồng.

Về tài sản riêng:

- Chị M đồng ý giao cho ông C tiếp tục quản lý sử dụng 02 cái tủ gỗ; 02 cái tủ nhôm; 01 cái tivi 32 in hiệu Samsung; 01 cái tủ lạnh hiệu Sanyo và yêu cầu ông C hoàn lại giá trị bằng 22.200.0000 đồng, chị không đồng ý chia đôi với anh P.

- Chị yêu cầu hưởng 01 cái máy lạnh hiệu Samsung giá trị còn lại 3.840.000 đồng, chị không đồng ý chia đôi giá trị với anh P.

- Công nhận 01 căn nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 135,7m², thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T, huyện T do ông Huỳnh Văn C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị M. Chị M đồng ý hoàn lại cho ông C bằng 90.000.000 đồng tiền hùn mua nhà, đất. Còn tiền 50.000.000 đồng ông C bỏ ra sửa chữa nhà chị không đồng ý trả. Chị M không đồng ý chia đôi với anh P.

- Chị M xin rút lại yêu cầu anh P trả 2,5 chỉ vàng 24K₉, tiền mặt là 3.000.000 đồng và 01 Màn cửa trị giá 1.800.000 đồng.

Về nợ chung: Không có.

Về nợ riêng: Nợ bà Lê Thị S bằng 50.000.000 đồng do bà S không yêu cầu nên không xem xét.

Nguyên đơn bổ sung thêm ý kiến của vị luật sư, sau khi chị và anh P ly thân, chị về sống chung với mẹ ruột, không có nhà ở riêng nên chị xin hưởng căn nhà để mẹ con chị ở, ngoài ra chị không bổ sung thêm ý kiến trình bày của vị luật sư.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Thanh P trình bày:

Anh và chị M kết hôn vào năm 2016 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã D. Trong thời gian sống chung anh chị có 01 con chung tên Huỳnh Trí T, sinh ngày 30/8/2016 đang sống chung với chị M.

Nguyên nhân vợ chồng không còn sống chung: Lúc cưới nhau anh chị sống bên gia đình anh, thời gian sống chung không hợp nên vợ chồng không còn sống chung, nhưng anh không nhớ vợ chồng ly thân từ thời gian nào. Nay chị M xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý giao con chung tên Huỳnh Trí T, sinh ngày 30/8/2016 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 10/9/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Về các tài sản mà chị M khai gồm:

+ Đối với 02 cái tủ gỗ; 02 cái tủ nhôm; 01 cái tivi 32 in hiệu Samsung; 01 cái tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 cái máy lạnh hiệu Samsung là tài sản của ông C, không phải là tài sản của vợ chồng, nếu chị M chứng minh được là tài sản riêng thì chị M hưởng, anh không yêu cầu chia đôi.

+ Diện tích đất 135,7m², thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh là của ông Huỳnh Văn C không phải của vợ chồng, còn chị M khai có hùn với ông C bằng 200.000.000 đồng để mua căn nhà gắn liền diện tích đất trên thì chị M hưởng, anh không yêu cầu chia đôi, đối với diện tích đất này là của ông C để ông C quyết định.

+ Chị M khai có cho anh T2 thuê căn nhà gắn liền diện đất 135,7m², thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T của ông C là 10 tháng bằng 20.000.000 đồng và có yêu cầu ông C hoàn trả lại để chia đôi với anh, tài sản này là của ông C không phải của vợ chồng, nếu chị M chứng minh tiền thuê nhà là tài sản chung của vợ chồng anh cũng không yêu cầu chia đôi.

Anh không có nợ của bà Lê Thị S bằng 50.000.000 đồng nên không đồng ý trả.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Lê Thị S trình bày:

Bà là mẹ ruột chị M, anh P là rể, lúc vợ chồng chị M còn sống chung anh P có mượn của bà bằng 50.000.000 đồng không có làm giấy tờ, nay bà không yêu cầu khởi kiện chung cùng vụ kiện này.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng hùn mua căn nhà gắn liền diện tích đất 135,7m² là tiền của vợ chồng bà, lúc chị M và anh P đám cưới rước dâu về bên nhà trai vợ chồng bà có cho riêng chị M 01 tài khoản trị giá bằng 200.000.000 đồng (tài khoản bà đứng tên) không có cho tiền mặt. Trong năm 2015 bà là người rút tiền từ tài khoản này tại ngân hàng đầu tư huyện T, sau khi rút tiền xong bà đưa cho chồng là ông Nguyễn Tấn Đ (chết năm 2017) bằng 200.000.000 đồng rồi ông Đ đưa cho ông C, sau đó ông C bù vô 90.000.000 đồng chồng tiền mua nhà, đất cho bà D, giá chuyển nhượng bằng 290.000.000 đồng (bà không có đưa tiền cho ông C hay bà D), việc ông Đ đưa tiền cho ông C hai bên không có làm giấy tờ và ông C có nói sau này chuyển trả quyền sử dụng cho M, nên ông Đ thống nhất để căn nhà gắn liền diện tích đất 135,7m² cho ông C đứng tên để nộp thuế chuyển nhượng thấp hơn là ông Đ đứng tên (vì thời điểm này ông C cũng có miếng đất đã mua sẵn kế bên), nên hợp đồng chuyển nhượng ông C ký với bà D. Nay bà thống nhất số tiền 200.000.000 đồng bà cho cá nhân chị M để cho chị M yêu cầu với ông C.

- Đối với 01 cái tivi 32 in hiệu Samsung; 01 cái tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 cái máy lạnh hiệu Samsung là tiền của bà mua tại siêu thị điện máy Nguyễn K thành phố Hồ Chí Minh chở về cho chị M sử dụng (nhà bà có chạy xe khách đi TPHCM). Nay bà thống nhất tài sản này bà cho riêng chị M để chị M yêu cầu với ông C.

- Còn 02 cái tủ gỗ; 02 cái tủ nhôm là tiền của chị M không phải bà mua nên bà không có ý kiến.

Tại bản tự khai người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Văn C trình bày:

Ông C là cha của anh P, còn chị M là dâu (vợ anh P), căn nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 135,7m² thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T do ông C đứng tên quyền sử dụng đất là tiền của ông C chuyển nhượng từ bà D, giá chuyển nhượng bằng 290.000.000 đồng, hợp đồng chuyển nhượng ông C ký với bà D không liên quan đến tiền chị M hùn bằng 200.000.000 đồng như chị M khai. Căn nhà hiện nay ông C cho anh T2 thuê hợp đồng thuê là 01 năm đến nay cũng sắp hết hạn, mỗi tháng thuê bằng 2.000.000 đồng, ông là người nhận tiền thuê nhà từ anh T2.

Đối với 02 cái tủ gỗ (loại kệ để đồ bán, gỗ tạp); 02 cái tủ nhôm; 01 cái tivi 32 in hiệu Samsung; 01 cái tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 cái máy lạnh hiệu Samsung là tài sản của ông mua cho chị M và anh P ra ở riêng sử dụng hiện nay các tài sản này ông đang quản lý. Qua ý kiến của chị M khai các tài sản này là tài sản riêng của chị M bỏ tiền ra mua và yêu cầu ông hoàn trả lại giá trị ông không đồng ý. Tại phiên tòa ông C tự nguyện giao cho chị M hưởng 50% giá trị các tài sản này theo giá Hội đồng đã định.

Ông Huỳnh Văn C thống nhất ý kiến trình bày của vị luật sư không bổ sung thêm.

Bà Tăng Thị L có ý kiến trình bày:

Bà là mẹ của anh P, còn chị M là dâu (vợ anh P), căn nhà gắn liền diện tích đất 135,7m² thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T do ông C đứng tên quyền sử dụng đất là tiền của vợ chồng bà mua từ bà D, hợp đồng chuyển nhượng ông C ký với bà D, chị M yêu cầu hưởng căn nhà và hoàn lại cho ông bà bằng 90.000.000 đồng bà không đồng ý. Căn nhà hiện nay ông, bà cho anh T2 thuê hợp đồng thuê là 01 năm, mỗi tháng thuê bằng 2.000.000 đồng, ông C là người nhận tiền thuê nhà từ anh T2.

Đối với 02 cái tủ gỗ; 02 cái tủ nhôm; 01 cái tivi 32 in hiệu Samsung; 01 cái tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 cái máy lạnh hiệu Samsung là tài sản của vợ chồng bà và hiện ông bà đang quản lý. Qua ý kiến của chị M cho rằng các tài sản này là của cá nhân chị M là không đúng, bà không đồng ý theo yêu cầu của chị M.

Bà Tăng Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tóm tắt nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị M.

Về hôn nhân: Cho chị M được ly hôn với anh Huỳnh Thanh P.

Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Trí T, sinh ngày 30/8/2016 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung:

Chị M yêu cầu ông Huỳnh Văn C hoàn trả lại bằng 20.000.000 đồng (tiền cho anh T2 thuê nhà là 10 tháng), chị đồng ý chia đôi với anh P mỗi người hưởng 10.000.000 đồng.

Về tài sản riêng:

- Chị đồng ý giao cho ông C tiếp tục quản lý sử dụng 02 cái tủ gỗ; 02 cái tủ nhôm; 01 cái tivi 32 in hiệu Samsung; 01 cái tủ lạnh hiệu Sanyo và yêu cầu ông C hoàn lại giá trị bằng 22.200.000 đồng, chị không đồng ý chia đôi với anh P.

- Chị yêu cầu hưởng 01 cái máy lạnh hiệu Samsung giá trị còn lại bằng 3.840.000 đồng, chị không đồng ý chia đôi giá trị với anh P.

- Công nhận 01 căn nhà gắn liền diện tích đất 135,7m², thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T do ông C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị M. Chị đồng ý hoàn lại cho ông C bằng 90.000.000 đồng tiền hùn mua nhà, đất. Chị M không đồng ý chia đôi với anh P.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Văn C tóm tắt nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu của chị M về việc yêu cầu hưởng căn nhà gắn liền diện tích đất 135,7m², thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T do ông C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì thửa đất này ông C mua của bà D là hợp pháp. Đối với 02 cái tủ gỗ; 02 cái tủ nhôm; 01 cái tivi 32 in hiệu Samsung; 01 cái tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 cái máy lạnh hiệu Samsung đây là tài sản của ông C, không phải là của cá nhân chị M, tại phiên tòa ông C tự nguyện giao cho chị M hưởng 50% giá trị tài sản do Hội đồng định giá đã định, đề nghị Hội xử xử ghi nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 giấy khai sinh con; 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị M (photo); Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

- **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị M với anh Huỳnh Thanh P thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Huỳnh Thanh P đồng ý giao con chung tên Huỳnh Trí T, sinh ngày 30/8/2016 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng.

- **Về nợ chung:** Chị Nguyễn Thị M với anh Huỳnh Thanh P khai không có.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

- Về tài sản chung:

Anh Huỳnh Thanh P khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Thị M khai vợ chồng có tài sản chung bằng 20.000.000 đồng do ông C đang quản lý và yêu cầu ông C hoàn trả lại để chị với anh P chia đôi.

- Về tài sản riêng:

+ 02 cái tủ gỗ (loại tủ kệ, gỗ tạp); 02 cái tủ nhôm; 01 cái tivi 32 in hiệu Samsung; 01 cái tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 cái máy lạnh hiệu Samsung chị M yêu cầu được hưởng, chị không đồng ý chia đôi với anh P.

+ Chị M yêu cầu hưởng căn nhà gắn liền diện tích đất 135,7m². Chị M đồng ý hoàn lại cho ông C bằng 90.000.000 đồng tiền hôn mua căn nhà gắn liền diện tích đất 135,7m². Chị không chia đôi với anh P.

Ông Huỳnh Văn C không đồng ý theo yêu cầu của chị M.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự và người tham gia tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh P chưa chấp hành đúng quy định còn vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M:

Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị M và anh P.

Về con chung: Chấp nhận cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Trí T, sinh ngày 30/8/2016, buộc anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 10/01/2018 cho đến khi con cháu T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị M yêu cầu ông C hoàn trả lại 20.000.000 đồng tiền cho anh T2 thuê nhà để chị và anh P chia đôi.

Về tài sản riêng:

- Không chấp nhận yêu cầu của chị M về việc yêu cầu ông C hoàn lại giá trị 02 cái tủ gỗ (loại kệ để đồ bán, gỗ tạp); 02 cái tủ nhôm; 01 cái tivi 32 in hiệu Samsung; 01 cái tủ lạnh hiệu Sanyo tổng giá trị bằng 22.040.000 đồng và yêu cầu hưởng 01 cái máy lạnh hiệu Samsung giá trị còn lại 3.840.000 đồng, vì đây không phải là tài sản riêng của chị M. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C hoàn lại cho chị M hưởng 50% giá trị tài sản này.

- Không chấp nhận yêu cầu của chị M yêu cầu hưởng 01 căn nhà gắn liền diện tích 135,7m², thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T, huyện T do ông C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do không có chứng cứ để chứng minh.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị M về việc rút yêu cầu đối với 2,5 chỉ vàng 24K₉₉, số tiền 3.000.000 đồng và 01 màn cửa trị giá 1.800.000 đồng.

Về nợ chung: Chị M và anh P khai không có nên không giải quyết.

Về án phí, chi phí thẩm định và định giá đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Huỳnh Thanh P có hộ khẩu thường trú tại huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Bà Tăng Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] **Về hôn nhân:** Chị M và anh P xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã D theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian sống chung anh chị có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh chị đã sống ly thân. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị M và anh P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị M và anh P.

[3] **Về con chung:** Anh chị có 01 con chung tên Huỳnh Trí T, sinh ngày 30/8/2016 đang sống chung với chị M. Anh P thống nhất giao con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng. Sự thỏa thuận này của chị M và anh P là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời gian cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M làm đơn khởi kiện chị yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị M xin thay đổi và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 01/2018; Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị M nhưng thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 10/9/2018, xét thấy tại phiên tòa anh P không chứng minh được thời gian anh chị sống ly thân, nên buộc anh cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày 10/01/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[4] Về phần tài sản riêng chị Nguyễn Thị M yêu cầu:

- Đối với 01 căn nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 135,7m², thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Huỳnh Văn C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị M khai tiền mua căn nhà gắn liền diện tích đất là do ông Nguyễn Văn Đ (cha chị, chết năm 2017) hùn với ông C (phần ông Đ hùn 200.000.000 đồng, còn ông C hùn 90.000.000 đồng), thời điểm mua nhà, đất do hai người đang là sui gia nên ông Đ thống nhất để ông C đứng tên hợp đồng chuyển nhượng với bà Vy Thị D để nộp thuế chuyển nhượng thấp hơn là ông Đ đứng tên, chị xác định đây là tài sản riêng của chị không đồng ý chia đôi giá trị cho anh P hưởng. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Lê Thị S trình bày số tiền 200.000.000 đồng là của bà và ông Đ cho riêng chị M, lúc rước dâu về bên nhà trai ông bà cho riêng chị M 01 tài khoản trị giá bằng 200.000.000 đồng, không có cho tiền mặt. Tháng 8/2015 chính bà là người đi rút số tiền 200.000.000 đồng đưa cho ông Đ rồi ông Đ đưa cho ông C, bà không có đưa

tiền cho ông C hay bà D, lúc làm hợp đồng chuyển nhượng ông Đ thống nhất để cho ông C đứng tên để nộp thuế chuyển nhượng thấp hơn ông Đ đứng tên (việc thỏa thuận này ông Đ và ông C không có làm giấy tờ gì). Nay bà thống nhất số tiền này bà cho riêng chị M không phải cho chung chị M và anh P nên để cho chị M khởi kiện với ông C. Ngoài lời trình bày chị M với bà S hai người không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh căn nhà gắn liền diện tích đất 135,7m² là tiền của bà S và ông Đ hùn với ông C và lời khai của chị M với bà S không được anh P và ông C thừa nhận. Mặt khác theo bà D khai bà ký hợp đồng chuyển nhượng 01 căn nhà gắn liền diện tích đất 135,7m² cho ông C và nhận tiền từ ông C không có nhận tiền của ông Đ cha chị M và theo hồ sơ chuyển nhượng diện tích đất 135,7m² vào ngày 11/9/2015 thì thể hiện ông C ký với bà D không có ghi tên ông Đ hay chị M.

- Đối với số tiền 20.000.000 đồng cho anh T2 thuê căn nhà gắn liền diện tích đất 135,7m², chị M yêu cầu ông C hoàn trả lại chị đồng ý chia đôi với anh P, trong quá trình giải quyết Tòa án có yêu cầu chị M cung cấp chứng cứ thể hiện tiền ông C cho anh T2 thuê nhà là của chị và anh P, theo như quyền sử hữu căn nhà thì đây là tài sản của ông C nên ông C có quyền định đoạt là cho ai thuê và anh T2 cũng có lời khai anh thuê nhà của ông C và trả tiền thuê cho ông C không phải trả cho chị M.

- Đối với 02 cái tủ gỗ (loại kệ để đồ bán, gỗ tạp), chị M khai gỗ đóng tủ là loại gỗ dầu do ông Lê Văn S1 đóng và ông S1 cũng có lời khai làm chứng cho chị và chị có nộp cho Tòa án, nay chị thống nhất nội dung lời khai của ông Lê Văn S1 ngày 31/8/2018 là đúng. Theo biên bản xác minh ngày 05/9/2018 ông S1 xin rút lại toàn bộ nội dung trong lời khai người làm chứng, ông xin trình bày lại ông không nhớ ngày, tháng, năm nào nhưng ông C có hỏi ông đóng 02 cái tủ loại kệ để đồ bán, ông mua gỗ tạp về đóng sau đó báo giá với ông C bằng 5.000.000 đồng, còn tiền tủ ông nhận từ chị M, không có nhận từ bà S như nội dung lời khai người làm chứng ngày 31/8/2018 ông đã ký. Còn 02 cái tủ nhôm chị M khai mua ở tỉnh Trà Vinh chở về; 01 cái tivi 32 in hiệu Samsung; 01 cái tủ lạnh hiệu Sanyo; 01 cái máy lạnh hiệu Samsung mua tại siêu thị Nguyễn K thành phố Hồ Chí Minh tiền của bà S mua cho chị, các tài sản này là tài sản riêng của chị, chị không chia đôi với anh P; Tòa án có yêu cầu chị cung cấp chứng cứ thể hiện các tài sản này là của cá nhân chị mua, nhưng chị M không đưa ra được loại giấy tờ gì thể hiện chị mua các tài sản kể trên và hiện nay các tài sản do ông C đang quản lý, đồng thời ông C và anh P cũng không thừa nhận các tài sản trên là của cá nhân chị M, tại phiên tòa chị M cho rằng các tài sản trên do ông C lấy của chị đem về nhà ở ấp C sử dụng, chị thừa nhận lúc ông C lấy tài sản do tin tưởng cha chồng nên chị không có báo chính quyền địa phương và hiện nay chị cũng không có chứng cứ gì chứng minh tài sản là của cá nhân chị. Nhưng tại phiên tòa ông C tự nguyện giao cho chị M hưởng 50% giá trị tài sản mà ông đang quản lý theo giá Hội đồng đã định nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị M về việc yêu cầu hưởng 01 căn nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 135,7m² và yêu cầu ông C hoàn lại giá trị 02 cái tủ gỗ; 02 cái tủ nhôm; 01 cái tivi 32 in

hiệu Samsung; 01 cái tủ lạnh hiệu Sanyo tổng giá trị bằng 22.200.000 đồng và yêu cầu hưởng 01 cái máy lạnh hiệu Samsung giá trị còn lại bằng 3.840.000 đồng mà ông C đang quản lý là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét thấy, đơn khởi kiện về tài sản riêng chị M yêu cầu anh P trả 2,5 chỉ vàng 24K_r, tiền mặt là 3.000.000 đồng, yêu cầu hưởng 01 màn cửa trị giá 1.800.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị tự nguyện xin rút lại. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị M là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị M.

[6] **Về nợ riêng:** Do bà S không yêu cầu nên không xem xét.

[7] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá:** Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Xét thấy, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị M, còn về phần yêu cầu được hưởng tài sản riêng nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Xét thấy, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C không đồng ý theo yêu cầu của chị M yêu cầu hưởng các tài sản riêng và đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của ông C tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét thấy đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 93, 147, 157, 165, 228, Điều 244, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Huỳnh Thanh P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Trí T, sinh ngày 30/8/2016 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh Huỳnh Thanh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 10/01/2018 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M yêu cầu ông Huỳnh Văn C hoàn trả lại cho chị số tiền 20.000.000 đồng (tiền cho thuê nhà), để chị và anh P chia đôi mỗi người hưởng 10.000.000 đồng.

4 Về tài sản riêng. Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M về việc yêu cầu hưởng 01 căn nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 135,7m², thuộc thửa 20, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh do ông Huỳnh Văn C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M về việc yêu cầu ông C hoàn lại giá trị 02 cái tủ gỗ (gỗ tạp); 02 cái tủ nhôm; 01 cái tivi 32 in hiệu Samsung; 01 cái tủ lạnh hiệu Sanyo, tổng giá trị bằng 22.200.000 đồng và 01 cái máy lạnh hiệu Samsung giá trị bằng 3.840.000 đồng mà ông Huỳnh Văn C đang quản lý.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn C hoàn lại cho chị M 50% giá trị các tài sản mà ông đang quản lý theo giá Hội đồng định bằng 13.020.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Huỳnh Thanh P thống nhất khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

6. Về nợ riêng: Do bà Lê Thị S không có yêu cầu nên không xem xét.

7. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị M về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 2,5 chỉ vàng 24K_r, số tiền 3.000.000 đồng và 01 màn cửa trị giá 1.800.000 đồng.

8. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân bằng 300.000 đồng và án phí chia tài sản do yêu cầu không được chấp nhận bằng 28.826.290 đồng (tài sản chị M yêu cầu bằng 607.637.260 đồng + 13.020.000 đồng ông C tự nguyện giao), nhưng được trừ vào số tiền 6.175.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015353, ngày 13-3-2018 và số tiền 2.725.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017769 ngày 31/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị M còn phải nộp tiếp số tiền bằng 19.926.290 đồng.

Bị đơn anh Huỳnh Thanh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con bằng 300.000 đồng.

Ông Huỳnh Văn C phải chịu 651.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

9. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu 2.678.000 đồng số tiền này chị M đã nộp đủ và chi xong.

10. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Chấm

